

Bản án số: 21/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 26-3-2024
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị T Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1955
- Bị đơn: bà Trần Thị T, sinh năm 1964
Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(*Đương sự vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:

Ông và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, ông thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông với bà Trần Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có ba người con chung, họ tên là Nguyễn Thị T1 sinh năm 1989; Nguyễn Đình T2, sinh năm 1995; Nguyễn Đình C sinh năm 1999.

Các con chung của ông với bà T đã thành niên, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Đình H tự nguyện chung sống từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống tHg bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp, không có hạnh phúc, tHg xuyên xảy ra cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, bà thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông H với bà là vợ chồng thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà và ông H có ba người con chung, họ tên là Nguyễn Thị T1 sinh năm 1989; Nguyễn Đình T2, sinh năm 1995; Nguyễn Đình C sinh năm 1999. Các con chung của ông bà đã thành niên, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn bà T. Bà T có nơi cư trú tại thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm

2014 cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Đình H và ông Nguyễn Văn Đoàn là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông H và bà T có ba người con chung, họ tên là Nguyễn Thị T1 sinh năm 1989; Nguyễn Đình T2, sinh năm 1995; Nguyễn Đình C sinh năm 1999. Các con chung của ông bà đã thành niên, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông H là người cao tuổi và có đơn miễn đóng tiền án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 chấp nhận yêu cầu của ông H, miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông H và bà T có ba người con chung, họ tên là Nguyễn Thị T1 sinh năm 1989; Nguyễn Đình T2, sinh năm 1995; Nguyễn Đình C sinh năm 1999. Các con chung của ông bà đã thành niên, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị T Hà

